

Số: 1897/STC-QLNS

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO

Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2017.

Căn cứ Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khoá X, kỳ họp thứ ba về dự toán thu, chi ngân sách địa phương; mức bổ sung cho ngân sách cấp huyện, cấp xã và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2017; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020.

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về dự toán thu, chi ngân sách địa phương; mức bổ sung cho ngân sách cấp huyện, cấp xã và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2017; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 2219/UBND-TH ngày 12/6/2017 về việc công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2017;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2017, Sở Tài chính thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2017 như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2017:

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2017 trên địa bàn là: 1.075 tỷ đồng, so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao đạt 50,23% (1.075/2.140), trong đó:

- Thu nội địa: 1.070 tỷ đồng so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao đạt 50,23% (1.070 /2.130).

- Thu xuất nhập khẩu: 5.000 tỷ đồng đạt 50% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (5.000/10.000).

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2017:

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2017: 1.955,55 tỷ đồng đạt 53,34% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (1.955,55/3.666,5), chi đầu tư thực hiện 250 tỷ đồng đạt 65,53% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (250/381,480), chi thường xuyên thực hiện 1.424 tỷ đồng đạt 51,84% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (1.424/2.746,91), trong đó một số nội dung thực hiện vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, cụ thể như sau :

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ đạt 76,2% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do số tạm ứng năm 2016 chưa thanh toán, quyết toán chuyển sang năm 2017.

- Chi sự nghiệp môi trường đạt 66,29% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do các huyện, thành phố chi trả hợp đồng vận chuyển rác đầu năm 2017 và số còn thiếu năm 2016.

- Chi đảm bảo xã hội đạt 105,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do chi bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách số còn thiếu năm 2016 và quý I/2017 nhưng dự toán được giao là chi sự nghiệp y tế.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình đạt thấp so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (28,24%) do dự toán sự nghiệp y tế có nội dung chi bảo hiểm y tế nhưng khi thực hiện chi ở nội dung đảm bảo xã hội nên số thực hiện không đạt dự toán được giao.

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP: Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP đạt 45,7% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (215,055/470,627%) do kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được giao chậm (ngày 31/5/2017). *h*

(Chi tiết theo biểu số 59/CK-NSNN , biểu số 60/CK-NSNN đính kèm)

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Đăng trên trang thông tin điện tử Sở TC;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Trường



GÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2017

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	I			
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.140.000	1.075.000,00	50,23%	115,36%
I	Thu cân đối NSNN	2.140.000	1.075.000,00	50,23%	115,36%
1	Thu nội địa	2.130.000	1.070.000,00	50,23%	115,47%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	10.000	5.000,00	50,00%	96,25%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	3.728.990	1.955.555,00	52,44%	117,20%
I	Chi cân đối NSDP	3.258.363	1.740.500,00	53,42%	122,52%
1	Chi đầu tư phát triển	443.970	250.000,00	56,31%	160,59%
2	Chi thường xuyên	2.746.910	1.424.000,00	51,84%	119,14%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		65.500,00		95,39%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000,00	100,00%	100,00%
5	Dự phòng ngân sách	66.483			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	470.627	215.055,00	45,70%	86,74%
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	49.510			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	112.000			



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2017

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2017	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2		4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.140.000	1.075.000,00	50,23%	115,36%
I	Thu nội địa	2.130.000	1.070.000,00	50,23%	115,47%
1	Thu từ khu vực DNNN	910.000	388.000,00	42,64%	113,69%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	153.000	85.000,00	55,56%	106,20%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	347.000	175.000,00	50,43%	119,05%
4	Thuế thu nhập cá nhân	105.000	54.500,00	51,90%	116,13%
5	Thuế bảo vệ môi trường	255.000	128.000,00	50,20%	108,31%
6	Lệ phí trước bạ	70.000	25.000,00	35,71%	80,12%
7	Các loại phí, lệ phí	52.000	34.000,00	65,38%	192,06%
8	Các khoản thu về nhà, đất	81.000	101.000,00	124,69%	129,26%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	2.000	1.000,00	50,00%	84,82%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	63.000	80.000,00	126,98%	116,75%
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	16.000	20.000,00	125,00%	237,14%
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	19.000	11.000,00	57,89%	103,33%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	70.000	37.500,00	53,57%	107,07%
12	Thu cố định tại xã	6.900	4.700,00	68,12%	288,34%
13	Thu khác ngân sách	61.100	26.300,00	43,04%	139,26%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	10.000	5.000,00	50,00%	96,25%
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.891.500	1.070.000,00	56,57%	115,47%
1	Từ các khoản thu phân chia	1.546.250	642.865,00	41,58%	109,88%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	345.250	427.135,00	123,72%	125,04%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2017

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
I					
A	B	I			
	TỔNG CHI NSDP	3.666.500	1.955.555,00	53,34%	117,20%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	3.195.873	1.740.500,00	54,46%	122,52%
I	Chi đầu tư phát triển	381.480	250.000,00	65,53%	160,59%
1	Chi đầu tư cho các dự án	374.480	245.000,00	65,42%	157,38%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	7.000	5.000,00	71,43%	
III	Chi thường xuyên	2.746.910	1.424.000,00	51,84%	119,14%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.176.259	589.000,00	50,07%	126,28%
2	Chi khoa học và công nghệ	15.880	12.100,00	76,20%	192,49%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	361.208	102.000,00	28,24%	110,52%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	28.783	14.300,00	49,68%	102,44%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	15.085	7.500,00	49,72%	88,81%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	11.591	5.700,00	49,18%	101,26%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	61.850	41.000,00	66,29%	107,94%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	304.205	152.000,00	49,97%	135,66%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	637.705	318.000,00	49,87%	99,39%
10	Chi bảo đảm xã hội	134.344	142.000,00	105,70%	161,06%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		65.500,00		95,39%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000,00	100,00%	100,00%
V	Dự phòng ngân sách	66.483			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	470.627	215.055,00	45,70%	86,74%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	106.053	3.985,00	3,76%	16,12%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	344.948	210.879,00	61,13%	94,47%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	19.626	191,00	0,97%	